

Số 0263/CBTT – VTTB

Hà nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước,
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.
Trụ sở chính: Tổ 12 thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh-Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 0243 8833247 Fax: 0243 9689871

Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Đức Khiêm**
Chức vụ: Giám đốc Công ty.
Địa chỉ: Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.
Điện thoại: (di động, cơ quan, nhà riêng)
DD: 0913 323 055 Cơ quan: 0243 968 6829

Nội dung thông tin công bố:

- (1). Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- (2). Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- (3). Biên bản họp Ban Kiểm soát, bầu Trưởng ban kiểm soát Công ty;
- (4). Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty(sửa đổi)
- (5). Quy chế nội bộ về quản trị Công ty(sửa đổi)
- (6). Địa chỉ trang Website đăng tải thông tin của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI: <http://www.vttbvietsbac-vvmi.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

1.Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, HĐQT(Ch.2)

2.Tài liệu đính kèm:

- BB Đại hội ĐCĐTN năm 2021;
- NQ Đại hội ĐCĐTN năm 2021;
- BB họp BKS, bầu Trưởng BKS;
- Điều lệ Công ty(sửa đổi);
- QC nội bộ về quản trị Công ty;

Đại diện tổ chức ✓

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Đức Khiêm

Số 0077/BB-ĐHĐCĐ

Hà nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021,
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB -VVMI

Thực hiện thông báo số 0064/TB-HĐQT ngày 13/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hôm nay vào hồi 8h00' ngày 16/4/2021 tại trụ sở Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã được tổ chức trọng thể.

I/- Thành phần tham dự đại hội gồm có:

Các ông, bà là thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát công ty và ba mươi tám (38) vị đại biểu (cổ đông hoặc người đại diện), sở hữu và đại diện cho 1 139 837 cổ phần/1 250 000 cổ phần, bằng 91,186% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng).

(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)

- **Chủ trì đại hội:** Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty.

- **Ban thư ký đại hội:**

1. Bà: Lê Thị Kim Chi
2. Ông: Phạm Đức Nghĩa

- Thư ký Công ty
- Cổ đông Công ty

- **Ban kiểm tra tư cách cổ đông:**

1. Ông: Tô Toàn Thắng
2. Bà: Bùi Phương Anh
3. Ông: Ngô Hải Long

- UV BKS Công ty - Trưởng ban
- Cổ đông Công ty - Thành viên
- Cổ đông Công ty - Thành viên

II/- Nội dung Đại hội:

Sau lễ chào cờ, khai mạc; Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội; Đại hội đã tiến hành làm việc:

1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và Thông qua chương trình đại hội; thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:

- Đại hội nghe ông Tô Toàn Thắng - Thay mặt Ban kiểm tra tư cách đại biểu (cổ đông hoặc người đại diện) đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu và công bố có ba mươi tám (38) vị đại biểu, sở hữu và đại diện cho 1 139 837 cổ phần/1 250 000 cổ phần, bằng 91,186 % số cổ phần có quyền biểu quyết (Mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng). Trong đó có một(01) đại biểu là đại diện cổ đông pháp nhân sở hữu 637 507 cổ phần/1 250 000 cổ phần chiếm 51% và ba mươi bảy(37) đại biểu là đại diện cổ đông thể nhân đại diện cho 502 330 cổ phần/1 250 000 cổ phần chiếm 40,186% (Danh sách cổ đông dự đại hội kèm theo)

- Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI, căn cứ vào số đại biểu cổ đông nắm giữ cổ phần có mặt dự đại hội; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã hội đủ các điều kiện để tiến hành.

2. Đại hội nghe trình bày các báo cáo, các tờ trình sau:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, giải pháp thực hiện do ông Phạm Đức Khiêm - Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty trình bày.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, định hướng nhiệm vụ năm 2021 do ông Đỗ Huy Hùng chủ tịch HĐQT trình bày.

- Báo cáo giám sát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2021 do Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình thông qua nội dung sửa, bổ sung đổi Điều lệ; Nội dung sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Ông Đỗ Huy Hùng chủ tịch HĐQT trình bày.

- Tờ trình thông qua nội dung quy chế hoạt động của HĐQT Công ty do Ông Ngô Minh Vinh - Thành viên HĐQT công ty trình bày.

- Tờ trình thông qua nội dung quy chế hoạt động của BKS do Bà Trần Thu Hương TV ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình xin phê duyệt kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2020; Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 do Bà Bùi Phương Anh kế toán trưởng Công ty trình bày.

- Tờ trình thông qua chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch chi trả thù lao năm 2021; Kế hoạch chi trả tiền lương hàng tháng cho TBKS chuyên trách năm 2021 do Ông Tô Toàn Thắng TV ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty do bà Nguyễn Thị Hồng Nhung trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo Điều 167 luật Doanh nghiệp số 59/2020; do Ông Phạm Đức Khiêm giám đốc Công ty trình bày.

3. Đại hội tiến hành thảo luận:

3.1. Ý kiến các cổ đông

100% các cổ đông tham dự nhất trí với toàn bộ các nội dung báo cáo, các tờ trình mà Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty đã trình bày trước Đại hội.

3.2. Các ý kiến tham gia vào kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

- Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Đại hội thống nhất các chỉ tiêu chính trong báo cáo của Giám đốc đã trình bày về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Đại hội thống nhất các biện pháp điều hành kế hoạch SXKD năm 2021 mà Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã trình bày. *ch*

- Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

3.3. Các ý kiến tham gia về vấn đề khác:

- Bộ máy điều hành cần đưa ra những biện pháp tối ưu để khắc phục các mặt còn tồn tại trong năm 2020, chỉ đạo sâu sát bộ phận phòng ban giúp việc trong Công ty phối kết hợp nhịp nhàng hơn trong công tác khoán quản trị chi phí trong sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí quản lý doanh nghiệp góp phần hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong kinh doanh cần kiểm soát chặt chẽ đảm bảo hoạt động đúng quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và pháp luật nhà nước, đảm bảo an toàn về vốn và tăng nhanh vòng quay đồng vốn.

- Quan tâm hơn nữa đến công tác tiêu thụ sản phẩm do Công ty làm ra, tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, để sản phẩm do Công ty làm ra có thể thâm nhập và có chỗ đứng trên thị trường ngoài ngành.

4. Đại hội đã biểu quyết thông qua từng vấn đề như sau:

4.1 Thông qua các báo cáo:

a/ Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Cụ thể:

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	% so NQ
I	Hiện vật chủ yếu				
1	Tiêu thụ vỏ bao KPK	Vỏ	15 000 000	14 880 107	99
2	Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 600 000	1 625 661	108
3	Sản xuất kéo rút thép nguội	Tấn	2 800	3 023	109
4	Tiêu thụ Gông lò	Bộ	500 000	429 755	86
II	Tổng doanh thu:	Tr.đ	245 947	263 777	107
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	170 947	196 045	114
-	Doanh thu KD, DV	Tr.đ	75 000	63 610	85
-	Doanh thu khác	Tr.đ		4 122	
III	Đầu tư xây dựng cơ bản	tr.đ	10 567	3 467	32
IV	Khấu hao TSCĐ	tr.đ	1 658	1 272	77
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	4 762	5 606	117
VI	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân năm	Người	168	150	89
2	Tiền lương bình quân	Đg/ng/thg	7 200 000	10 464 030	145

VII	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2 250	4 068	181
VIII	Trả cổ tức trên vốn góp (12,5 tỷ)	%	10	15	150

*** Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

- **Mục tiêu chung:** Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo tiến độ đầu tư các dự án; điều hành kế hoạch một cách linh hoạt thích ứng với thị trường có nhiều biến động vì mục tiêu **An toàn-Đổi mới-Tăng trưởng-Hiệu quả**.

- **Mục tiêu cụ thể.**

Hội đồng quản trị chỉ đạo bộ máy điều hành Công ty triển khai các biện pháp như: Tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, tìm kiếm việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, khai thác tốt thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng, phụ kiện hầm lò, vật tư thiết bị...; Quản trị tốt chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng phát triển của Công ty. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, không để xảy ra tai nạn lao động và phấn đấu hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chính sau đây:

- Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Chỉ tiêu hiện vật		
1	SX&Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	15 000 000
2	SX&Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 550 000
3	Sản xuất Kéo thép	Tấn	2 800
4	Sản xuất Gông lò	Bộ	500 000
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	245 000
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	175 000
-	Doanh thu KD DV	Tr.đ	70 000
III	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	1 556
IV	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	2 949
V	Lao động và thu nhập		
1	Lao động bình quân năm	Người/năm	147
2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đg/ng/tháng	9 126 400
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2 350

- Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021:

TT	Tên hạng mục đầu tư	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	9 204
1	Hệ thống tráng màng(dây chuyền SX vỏ bao)	Tr.đ	3 404
2	Xe nâng hạ hàng	Tr.đ	1 200
3	Máy dệt tròn 6 thoi	Tr.đ	3 000
4	Dây chuyền SX lưới leo lò	Tr.đ	1 600

- Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021:

STT	LĐ KH 2021	LĐ 31/12/2020	LĐ KH 2021	LĐ cần tuyển dụng	Thời gian tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng
1	LĐ công nghệ	95	103	8	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
2	LĐ phục vụ, phụ trợ	18	20	2	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
3	LĐ quản lý	24	24			
Tổng cộng		137	147	10		

- Kế hoạch trả cổ tức năm 2021:

TT	Vốn góp(đồng)	Tỷ lệ chi trả(%/vốn góp)
1	12 500 000 000	10

b/ Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021;

c/ Thông qua báo cáo giám sát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty;

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

4.2. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Nội dung quy chế HĐ của HĐQT; Nội dung quy chế hoạt động của BKS;

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Nội dung quy chế HĐ của HĐQT; Nội dung quy chế hoạt động của BKS; *du*

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

4.3 Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu năm 2020	Đồng	263 775 865 972
2	Lợi nhuận trước thuế	”	4 068 423 838
3	Các khoản không được trừ khi xác định thuế TNDN	”	118 900 000
4	Tổng lợi nhuận tính thuế	”	4 187 323 838
5	Nộp thuế TNDN	”	715 591 515
6	Lợi nhuận sau thuế	”	3 352 832 323
7	Lợi nhuận phân phối	”	3 352 832 323

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

4.4 Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2020 cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
Lợi nhuận trước thuế	4 068 423 838
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	715 591 515
Lợi nhuận sau thuế	3 352 832 323
Phân phối lợi nhuận	
- Chi trả cổ tức	1 875 000 000
- Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	1 477 832 323
- Quỹ đầu tư phát triển	443 349 697
- Quỹ khen thưởng	358 713 050
- Quỹ phúc lợi	538 069 576
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	137 700 000

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

4.5 Thông qua quyết toán thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020; Kế hoạch chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021; Tiền lương hàng tháng trả cho trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2021.

a. Tổng giá trị quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020 là:

224 640 000đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

+ Thù lao HĐQT: 142 560 000đồng

+ Thù lao BKS: 82 080 000đồng

b. Mức trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

Chức danh	Mức thù lao hàng tháng
Chủ tịch HĐQT	4 320 000 đồng
Thành viên HĐQT	3 780 000 đồng
Trưởng ban kiểm soát	3 780 000 đồng
Thành viên BKS	3 420 000 đồng

c) Tiền lương hàng tháng trả cho Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2021:

Mức lương hàng tháng trả cho TB kiểm soát chuyên trách bằng mức lương hiện trả cho Phó giám đốc Công ty;

- Trong quá trình thực hiện nếu chính sách nhà nước có sự thay đổi thì Công ty sẽ thay đổi theo văn bản hướng dẫn cho phù hợp.

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

4.6. Thông qua ủy quyền cho HĐQT Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ủy quyền cho HĐQT đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

4.7. Thông qua tờ trình ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo điều 167 luật Doanh nghiệp:

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan;

Có 38 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

5. Đại hội tiến hành bầu bổ xung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Ông Ngô Minh Vinh - Thành viên HĐQT thay mặt HĐQT công bố quyết định thay đổi người đại diện phần vốn của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP tham gia BKS Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Trình bày tờ trình xin miễn nhiệm thành viên BKS; Tờ trình bầu bổ xung thay thế thành viên BKS; Thông qua quy chế bầu cử. Danh sách ứng cử viên thay thế BKS cụ thể như sau:

5.1. Danh sách ứng cử viên giới thiệu bầu bổ xung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1	Phạm Thị Thúy Nga	Chuyên viên phòng KTTKTC Tổng Cty CN mỏ VB TKV CTCP

6. Đại hội tiến hành bầu cử.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử bầu bổ xung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 với số phiếu biểu quyết tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

- Đại hội thông nhất danh sách các ứng viên bầu bổ xung vào Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm các ông(bà) có tên sau:

a/ Danh sách bầu bổ xung TV BKS công ty nhiệm kỳ 2020-2025

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1	Phạm Thị Thúy Nga	Chuyên viên phòng KTTKTC Tổng Cty CN mỏ VB TKV CTCP

7. Công bố kết quả bầu cử:

Đại hội đã nghe Bà: Nguyễn Thị Hằng - Trưởng ban bầu cử thay mặt ban bầu cử công bố kết quả bầu cử, cụ thể như sau:

- Kết quả bầu bổ xung Kiểm soát viên

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ
1	Phạm Thị Thúy Nga	38 phiếu = 1 139 837 CP	100%

- Căn cứ kết quả bầu cử, các ông (bà) có tên sau trúng cử Kiểm soát viên Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

a/ Danh sách trúng cử Kiểm soát viên công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ %
1	Phạm Thị Thúy Nga	38 phiếu = 1 139 837 CP	100%

8. Thông qua nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT ký phê duyệt quyết toán tài chính, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2020, mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021, mức chi trả tiền lương hàng tháng cho Trưởng ban kiểm soát Công ty năm 2021 theo nội dung Nghị quyết đã được đại hội thông qua.

Chỉ đạo bộ máy điều hành tìm mọi biện pháp để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. *dy*

Đại hội đã nhất trí tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tổng số ba mươi tám(38) vị cổ đông biểu quyết tương đương tổng số phiếu là 1 139 837 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Biên bản này đã được đọc trước đại hội và tất cả các cổ đông tham dự đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 30 phút ngày 16 tháng 4 năm 2021.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



- Lê Thị Kim Chi



- Phạm Đức Nghĩa



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Đỗ Huy Hùng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị -VVMI

(Kèm theo biên bản số 0 7 7 /BB-ĐHĐCĐ ngày 16/ 4/2021)

STT		Họ và tên cổ đồng/Người được ủy quyền	Mã số cổ đồng	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
A		B	C	1	2	3=1+2	4
	A	Cổ đông pháp nhân		637 507		637 507	
	I	Tổng công ty CN mỏ Việt bắc TKV-CTCP	1	637 507		637 507	
1	1	Đỗ Huy Hùng					
	B	Cổ đông thể nhân		426 330	76 000	502 330	
	I	<u>Phòng TCHC</u>		<u>252 873</u>		<u>252 873</u>	
2	1	Phạm Đức Khiêm	32	240 914		240 914	
3	2	Nguyễn Mạnh Hùng	23	5 958		5 958	
4	3	Trần Văn Bảy	14	1 667		1 667	
5	4	Lê Thị Kim Chi	153	1 667		1 667	
6	5	Vũ Thị Linh	127	2 667		2 667	
	II	<u>Phòng Kế toán</u>		<u>10 250</u>		<u>10 250</u>	
7	1	Bùi Phương Anh	174	7 917		7 917	
8	2	Ngô Hải Long	178	2 333		2 333	
	III	<u>Phòng KH-VT-TT</u>		<u>30 458</u>	<u>22 959</u>	<u>53 417</u>	
9	1	Trịnh Văn Toàn	89	4 042	3 625	7 667	
10	2	Trịnh Minh Phương	152	333		333	
11	3	Phạm Đức Nghĩa	120	26 083	19 334	45 417	
	IV	<u>Phòng Kinh doanh I</u>		<u>12 167</u>		<u>12 167</u>	
12	1	Nguyễn Trọng Đức	24	12 167		12 167	
	V	<u>Phòng Kỹ thuật</u>		<u>7 250</u>	<u>4 667</u>	<u>11 917</u>	
13	1	Ngô Minh Vinh	177	1 000		1 000	
14	2	Lê Văn Cường	124	1 000	1 000	2 000	
15	3	Nguyễn Hải Hùng	78	1 667	1 667	3 334	
16	4	Phạm Xuân Chiến	162	3 583		3 583	
17	5	Nguyễn Thị Tuyền			2 000	2 000	
	VI	<u>Xưởng Lưới Thép</u>		<u>18 249</u>	<u>32 040</u>	<u>50 289</u>	

STT		Họ và tên cổ đồng/Người được ủy quyền	Mã số cổ đồng	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
18	1	Tô Toàn Thắng	123	9 958	333	10 291	
19	2	Nguyễn Thị Hằng	39	3 625		3 625	
20	3	Phạm Thị Yến	90	1 667		1 667	
21	4	Trần Văn Sanh	35	2 333		2 333	
22	5	Hoàng Văn Kiên	131	333	15 541	15 874	
23	6	Dương Tiến Dũng	129	333	16 166	16 499	
	VII	<u>Xưởng bao bì</u>		<u>18 209</u>		<u>18 209</u>	
24	1	Nguyễn Thị Lý	76	3 292		3 292	
25	2	Trần Văn Thắng	175	7 917		7 917	
26	3	Đỗ Thị Thanh Vân	141	2 000		2 000	
27	4	Nguyễn Thị Minh Tuyên	144	2 000		2 000	
28	5	Đặng Thị Ngọc Hoa	145	1 333		1 333	
29	6	Ma Thị Tuyên	173	1 667		1 667	
	VIII	<u>Phòng Kinh doanh II</u>		<u>13 125</u>		<u>13 125</u>	
30	1	Phạm Đức Trung	34	13 125		13 125	
	IX	<u>Cổ đông khác</u>		<u>63 749</u>	<u>16 334</u>	<u>80 083</u>	
31	1	Phạm Thị Bình	102	12 708		12 708	
32	2	Lưu Ngọc Dũng	71	6 583	4 167	10 750	
33	3	Bùi Xuân An	58	13 083		13 083	
34	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung			1 917	1 917	
35	5	Lê Thị Thanh	26	1 667	3 292	4 959	
36	6	Nguyễn Thị Thanh	22	9 583		9 583	
37	7	Phạm Thị Hương	60	16 833	6 958	23 791	
38	8	Nguyễn Thị Ánh	96	3 292		3 292	
		Tổng cộng I+II = 41		1 063 837	76 000	1 139 837	

Hà Nội, Ngày 16 tháng 4 năm 2021

THƯ KÝ



Đỗ Huy Hùng

Lê Thị Kim Chi

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

Số: 0 0 7 6/NQ - ĐHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI ban hành theo Quyết định số: 0056/QĐ - HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI được tổ chức vào 7h30' ngày 16/4/2021 tại Hội trường tầng 3 của Công ty. Địa chỉ: Tổ 12 Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

- Tham dự Đại hội có ba mươi tám (38) vị cổ đông đại diện cho 1 139 837 cổ phần/1 250 000 cổ phần đạt 91,186%.

Trong đó: Có 01 đại biểu là đại diện cổ đông pháp nhân sở hữu 637 507 cổ phần /1 250 000 cổ phần chiếm 51% và ba mươi bảy (37) đại biểu là đại diện cổ đông thể nhân đại diện cho 502 330 cổ phần /1 250 000 cổ phần chiếm 40,186 % (Danh sách cổ đông dự Đại hội kèm theo)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thảo luận và nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	% so NQ
I	Hiện vật chủ yếu				
1	Tiêu thụ vỏ bao KPK.	Vỏ	15 000 000	14 880 107	99
2	Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 600 000	1 625 661	108
3	Sản xuất kéo rút thép nguội	Tấn	2 800	3 023	109
4	Tiêu thụ Gông lò	Bộ	500 000	429 755	86
II	Tổng doanh thu:	Tr.đ	245 947	263 777	107
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	170 947	196 045	114
-	Doanh thu KD, DV	Tr.đ	75 000	63 610	85
-	Doanh thu khác	Tr.đ		4 122	
III	Đầu tư xây dựng cơ bản	tr.đ	10 567	3 467	32
IV	Khấu hao TSCĐ	tr.đ	1 658	1 272	77

V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	4 762	5 606	117
VI	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân năm	Người	168	150	89
2	Tiền lương bình quân	Đg/ng/thg	7 200 000	10 464 030	145
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2 250	4 068	181
VIII	Trả cổ tức trên vốn góp (12,5 tỷ)	%	10	15	150

Điều 3: Thông qua Báo cáo quyết toán Tài chính năm 2020 với nội dung chính như sau :

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	KẾT QUẢ KINH DOANH		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	263 775 865 972	
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	4 068 423 838	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	715 591 515	
4	Lợi nhuận sau thuế	3 352 832 323	
II	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH		
1	Tổng số thuế phải nộp	6 209 559 759	
2	Tổng số thuế đã nộp	5 605 517 330	
3	Tổng số thuế còn phải nộp	604 042 429	
III	TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN		
*	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	42 964 579 667	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6 135 793 050	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	27 164 827 807	
4	Hàng tồn kho	9 567 843 614	
5	Tài sản ngắn hạn khác	96 115 196	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	5 358 853 505	
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	5 324 874 084	
3	Tài sản dở dang dài hạn	33 979 421	
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	48 323 433 172	

S
K
V
A
N

du

*	NGUỒN VỐN		
A	NỢ PHẢI TRẢ	28 286 235 081	
1	Nợ ngắn hạn	28 286 235 081	
2	Nợ dài hạn		
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	20 037 198 091	
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12 500 000 000	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	2 399 236 689	
3	Quỹ đầu tư phát triển	1 785 129 079	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3 352 832 323	
C	NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	48 323 433 172	

Điều 4: Thông qua phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
Lợi nhuận trước thuế	4 068 423 838
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	715 591 515
Lợi nhuận sau thuế	3 352 832 323
Phân phối lợi nhuận	
- Chi trả cổ tức	1 875 000 000
- Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	1 477 832 323
- Quỹ đầu tư phát triển	443 349 697
- Quỹ khen thưởng	358 713 050
- Quỹ phúc lợi	538 069 576
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	137 700 000

Điều 5: Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021; Các giải pháp để thực hiện:

1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Chỉ tiêu hiện vật		
1	SX&Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	15 000 000
2	SX&Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 550 000
3	Sản xuất Kéo thép	Tấn	2 800
4	Sản xuất Gông lò	Bộ	500 000
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	245 000
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	175 000
-	Doanh thu KD DV	Tr.đ	70 000

III	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	1 556
IV	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	2 949
V	Lao động và thu nhập		
1	Lao động bình quân năm	Người/năm	147
2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đg/ng/tháng	9 126 400
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	2 350

2/ Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021:

TT	Tên hạng mục đầu tư	ĐVT	Kế hoạch 2021
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	9 204
1	Hệ thống tráng màng(dây chuyền SX vỏ bao)	Tr.đ	3 404
2	Xe nâng hạ hàng	Tr.đ	1 200
3	Máy dệt tròn 6 thoi	Tr.đ	3 000
4	Dây chuyền SX lưới leo lò	Tr.đ	1 600

3/ Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2021:

STT	LĐ KH 2021	LĐ 31/12/2020	LĐ KH 2021	LĐ cần tuyển dụng	Thời gian tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng
1	LĐ công nghệ	95	103	8	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
2	LĐ phục vụ, phụ trợ	18	20	2	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
3	LĐ quản lý	24	24			
Tổng cộng		137	147	10		

4/ Kế hoạch trả cổ tức năm 2021:

TT	Vốn góp(đồng)	Tỷ lệ chi trả(%/vốn góp)
1	12 500 000 000	10

5/ Các giải pháp thực hiện:

a/ Tìm kiếm tuyển dụng những lao động có trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề cao đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, xây dựng đội ngũ kế thừa tinh thông nghiệp vụ, tay nghề giỏi, có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, điều hành công ty phát triển.

b/ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí vật tư, nguyên liệu đầu vào. Lựa chọn phương pháp khoán

phù hợp với từng đối tượng nhận khoán để phát huy tối đa hiệu quả công tác giao khoán cho các đơn vị.

c/ Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị để giữ vững thị trường tiêu thụ; tích cực phát triển thêm thị trường mới, đặc biệt chú trọng lĩnh vực kinh doanh, thu hút nhân tài để tăng doanh thu.

d/ Thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra theo dõi phát hiện những nguy cơ mất an toàn để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra tai nạn lao động, kể cả tai nạn lao động nhẹ.

e/ Thực hiện điều hành công tác tài chính, phù hợp với kế hoạch SXKD, tích cực hoàn thiện hồ sơ thanh toán để thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay của vốn để giảm lãi vay ngân hàng. Phần đầu giảm tới mức thấp nhất hệ số nợ phải thu, nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Đàm phán với ngân hàng để được tài trợ vốn với mức lãi suất thấp nhất.

f / Xây dựng các điển hình tiên tiến, xây dựng mục tiêu khuyến khích SXKD giao cho các đơn vị, phòng ban để phần đầu thực hiện.

g/ Phối hợp tốt công tác giữa chuyên môn và các đoàn thể, phát huy vai trò lãnh đạo tiên phong của Đảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt qui chế dân chủ trong doanh nghiệp.

Điều 6: Thông qua Phương án chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021; Tiền lương hàng tháng trả cho TB kiểm soát chuyên trách như sau:

a. Phương án chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS:

Chức danh	Mức thù lao hàng tháng
Chủ tịch HĐQT	4 320 000 đồng
Ủy viên HĐQT	3 780 000 đồng
Trưởng ban kiểm soát	3 780 000 đồng
Ủy viên ban KS	3 420 000 đồng

- Trong quá trình thực hiện nếu chính sách nhà nước có sự thay đổi thì Công ty sẽ thay đổi theo văn bản hướng dẫn cho phù hợp.

b) Tiền lương hàng tháng trả cho Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2021:

Mức lương hàng tháng trả cho TB kiểm soát chuyên trách bằng mức lương hiện trả cho Phó giám đốc Công ty;

Điều 7: Thông qua tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị- VVMI năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua đề HĐQT đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 8: Thông qua tờ trình ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo Điều 167 luật Doanh nghiệp:

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo Điều 167 luật doanh nghiệp số 59/2020;

Điều 9: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Nội dung quy chế HD của HĐQT; Nội dung quy chế hoạt động của BKS;

Đại hội đồng cổ đông thống nhất Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị Công ty ; Nội dung quy chế HD của HĐQT; Nội dung quy chế hoạt động của BKS của Công ty;

Điều 10: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025 đối với Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung kể từ ngày 16/04/2021.

Điều 11: Thông qua kết quả bầu bổ xung thành viên BKS Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị- VVMI nhiệm kỳ 2020-2025 tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

1. Bà Phạm Thị Thúy Nga - Kiểm soát viên

Điều 12: Tổ chức thực hiện

1. Giao cho HĐQT, Giám đốc Công ty xây dựng các biện pháp cụ thể để chỉ đạo điều hành hoàn thành toàn diện kế hoạch SXKD năm 2021 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

2. Giao cho HĐQT ban hành các quyết định phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo các số liệu ghi trong Nghị quyết này.

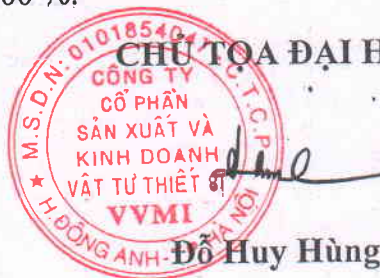
3. Giao cho HĐQT thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đồng thời HĐQT có trách nhiệm công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong thời hạn 24h và đăng tải lên Website: <http://www.vttbvietao-vvmi.com.vn>;

Quý cổ đông vui lòng download tại địa chỉ này.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI đã được thông qua trước Đại hội và được toàn thể Đại hội biểu quyết tán thành với số cổ phần biểu quyết là 1 139 837 cổ phần/1 139 837 cổ phần dự họp, đạt tỷ lệ 100 %.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Công bố TT trên Website Cty;
- Sở GDCKHN, UBCK Nhà nước;
- Lưu VT, Hồ sơ ĐH (Ch)



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị -VVMII

(Kèm theo nghị quyết số 0 7 6/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2021)

STT		Họ và tên cổ đồng/Người được ủy quyền	Mã số cổ đồng	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
A		B	C	1	2	3=1+2	4
	A	Cổ đông pháp nhân		637 507		637 507	
	I	Tổng công ty CN mỏ Việt bắc TKV-CTCP	1	637 507		637 507	
1	1	Đỗ Huy Hùng					
	B	Cổ đông thể nhân		426 330	76 000	502 330	
	I	<u>Phòng TCHC</u>		<u>252 873</u>	—	<u>252 873</u>	
2	1	Phạm Đức Khiêm	32	240 914		240 914	
3	2	Nguyễn Mạnh Hùng	23	5 958		5 958	
4	3	Trần Văn Bảy	14	1 667		1 667	
5	4	Lê Thị Kim Chi	153	1 667		1 667	
6	5	Vũ Thị Linh	127	2 667		2 667	
	II	<u>Phòng Kế toán</u>		<u>10 250</u>	—	<u>10 250</u>	
7	1	Bùi Phương Anh	174	7 917		7 917	
8	2	Ngô Hải Long	178	2 333		2 333	
	III	<u>Phòng KH-VT-TT</u>		<u>30 458</u>	<u>22 959</u>	<u>53 417</u>	
9	1	Trịnh Văn Toàn	89	4 042	3 625	7 667	
10	2	Trịnh Minh Phương	152	333		333	
11	3	Phạm Đức Nghĩa	120	26 083	19 334	45 417	
	IV	<u>Phòng Kinh doanh I</u>		<u>12 167</u>	—	<u>12 167</u>	
12	1	Nguyễn Trọng Đức	24	12 167		12 167	
	V	<u>Phòng Kỹ thuật</u>		<u>7 250</u>	<u>4 667</u>	<u>11 917</u>	
13	1	Ngô Minh Vinh	177	1 000		1 000	
14	2	Lê Văn Cường	124	1 000	1 000	2 000	
15	3	Nguyễn Hải Hùng	78	1 667	1 667	3 334	
16	4	Phạm Xuân Chiến	162	3 583		3 583	
17	5	Nguyễn Thị Tuyền			2 000	2 000	
	VI	<u>Xưởng Lưới Thép</u>		<u>18 249</u>	<u>32 040</u>	<u>50 289</u>	

STT		Họ và tên cổ đồng/Người được ủy quyền	Mã số cổ đồng	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
18	1	Tô Toàn Thắng	123	9 958	333	10 291	
19	2	Nguyễn Thị Hằng	39	3 625		3 625	
20	3	Phạm Thị Yến	90	1 667		1 667	
21	4	Trần Văn Sanh	35	2 333		2 333	
22	5	Hoàng Văn Kiên	131	333	15 541	15 874	
23	6	Dương Tiến Dũng	129	333	16 166	16 499	
	VII	<u>Xưởng bao bì</u>		<u>18 209</u>		<u>18 209</u>	
24	1	Nguyễn Thị Lý	76	3 292		3 292	
25	2	Trần Văn Thắng	175	7 917		7 917	
26	3	Đỗ Thị Thanh Vân	141	2 000		2 000	
27	4	Nguyễn Thị Minh Tuyên	144	2 000		2 000	
28	5	Đặng Thị Ngọc Hoa	145	1 333		1 333	
29	6	Ma Thị Tuyên	173	1 667		1 667	
	VIII	<u>Phòng Kinh doanh II</u>		<u>13 125</u>		<u>13 125</u>	
30	1	Phạm Đức Trung	34	13 125		13 125	
	IX	<u>Cổ đông khác</u>		<u>63 749</u>	<u>16 334</u>	<u>80 083</u>	
31	1	Phạm Thị Bình	102	12 708		12 708	
32	2	Lưu Ngọc Dũng	71	6 583	4 167	10 750	
33	3	Bùi Xuân An	58	13 083		13 083	
34	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung			1 917	1 917	
35	5	Lê Thị Thanh	26	1 667	3 292	4 959	
36	6	Nguyễn Thị Thanh	22	9 583		9 583	
37	7	Phạm Thị Hương	60	16 833	6 958	23 791	
38	8	Nguyễn Thị Ánh	96	3 292		3 292	
		Tổng cộng I+II = 41		1 063 837	76 000	1 139 837	

Hà Nội, Ngày 16 tháng 4 năm 2021

THƯ KÝ



Lê Thị Kim Chi

Số 06 /BB- BKS

Hà nội, Ngày 16 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB – VVMI**

Hôm nay ngày 16 tháng 04 năm 2021
Tại trụ sở: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.
Địa chỉ trụ sở Công ty: Tổ 12 Thị trấn Đông Anh – Hà Nội
Điện thoại : 0243 8833 247 Fax: 0243 968 9871
Ban kiểm soát Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị -
VVMI đã tiến hành cuộc họp như sau:

I. Thành phần có mặt tham dự cuộc họp:

1. Ông: Tô Toàn Thắng - Thành viên BKS
2. Bà: Trần Thu Hương - Thành viên BKS
3. Bà: Phạm Thị Thúy Nga - Thành viên BKS

II. Nội dung cuộc họp:

Bầu Trưởng ban kiểm soát Công ty;

III. Kết quả:

Sau khi tiến hành biểu quyết, các thành viên BKS đã thống nhất kết quả bầu cử như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH BẦU	SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ(%)
1	Trần Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát	3/3	100

Biên bản này được đọc tại cuộc họp và được tất cả các thành viên BKS nhất trí thông qua.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ 30 ngày 16/04/2021

CÁC THÀNH VIÊN



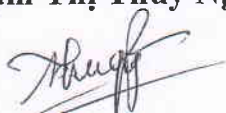
1. Tô Toàn Thắng

**THÀNH VIÊN ĐƯỢC BẦU
GIỮ CHỨC VỤ TRƯỞNG
BAN KIỂM SOÁT**



Trần Thu Hương

2. Phạm Thị Thúy Nga



Số: 0 0 7 8 /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
“Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2021, về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị – VVMI;

Điều 2. Điều lệ có hiệu lực từ ngày 16/04/2021. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã ban hành kèm theo Quyết định số 0056/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 4 năm 2018.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Bộ máy điều hành và các Cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Cty;
- Lưu VT,HĐQT(Ch)



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 078/QĐ - HĐQT ngày 16/4/2021)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (dưới đây gọi là “ Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số 68/2004/QĐ-BCN ngày 30 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển đổi do cổ phần hóa Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than – Đơn vị trực thuộc Công ty Than Nội Địa(nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP).
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:
 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
 - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
 - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng, ban hành kèm theo thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng;
3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2021 và thay thế Điều lệ đã ban hành theo quyết định số: 0056/QĐ-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.
4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là HĐQT.
 - b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. *dy*

c) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này; *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020. Luật chứng khoán có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

f) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty

q) "Người có liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong; Điều 4, khoản 46 của Luật Chứng khoán.

i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần; *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

k) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

l) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1- Tên của Công ty:

a) Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị

VVMI.

b) Tên tiếng Anh: **VVMI – MANUFACTURING AND MATERIALS EQUIPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY.**

c) Tên giao dịch : Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

d) Tên viết tắt: MATRACO

2- Công ty có biểu tượng riêng:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh, đen, đỏ.

3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty và thương hiệu của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP và các quy chế quản lý trong nội bộ Tổng Công ty mà Công ty là thành viên.

5. Trụ sở của Công ty:

- Địa chỉ: Tổ 12 thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : 043. 8833 247.

- Fax: 043. 9689 871

- E- mail: vttbvietsbac@gmail.com

- Website: vapo.vn@gmail.com

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật, là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo **Điều 50** của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1- Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng

- Sản xuất và kinh doanh lưới thép lót nóc lò

- Chế biến và kinh doanh than

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

- Kinh doanh nhiên liệu và dầu mỡ phụ; Vận tải đường bộ

- Sản xuất kinh doanh bia, nước giải khát
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sản xuất các sản phẩm từ plastic
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 5 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vốn điều lệ.

a) Vốn điều lệ của Công ty là: 12 500 000 000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm nghìn đồng chẵn). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1 250 000 cổ phần với mệnh giá là 10 000 VND/cổ phần

b) Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

3. Cổ đông sáng lập:

Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là 1 phần của Điều lệ.

4. Chào bán cổ phần:

a) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn

so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán, các văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày đăng ký kinh doanh. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Công ty.

- Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.

- Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.

- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày ~~đăng~~ ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
- b) Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- d) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Công ty ban hành.

Mục 1:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 120 và khoản 1 điều 127 của Luật doanh nghiệp;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu,

e) Xem xét tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại điều 132 của Luật doanh nghiệp ;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

k) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có các quyền sau

a) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 của Luật doanh nghiệp.

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát; họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số đăng ký kinh doanh hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại hội cổ đông.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 24 và khoản 5 Điều 32 Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại Điều lệ này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa...

7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT có thể gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy;
- c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- d) Khi số thành viên của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;
- e) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên nêu tại khoản 3.d Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.b, 3.e hoặc 3.f Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp như quy định tại mục a khoản này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục b khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3.e của Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 điều 140 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;

b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động quản lý Công ty của HĐQT và Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; 

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Bầu, bãi, miễn, thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

f) Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1, Điều 167 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

m) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:

a) Thông qua Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 14.2 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự

hợp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

g) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại **Điều 18 và Điều 19** Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4.b hoặc Điều 13.4.c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Chương trình, nội dung họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, bằng hình thức đảm bảo đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ

và tên cổ đông địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 của Điều này, thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ (5%) trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại lần thứ 2 chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 Điều lệ này. *dy*

Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau.

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa.

b) Trừ trường hợp quy định tại khoản a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản Đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không

tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật doanh nghiệp khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.

11. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội; Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”)
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

13. Trong điều lệ này(trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

14. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một(01) lần. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- đ) Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty;
- e) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- g) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

i) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;


3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành; trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; 

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có **trên 50%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại khoản 3 điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, quy định tại **Điều 34** Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua hoặc được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

8. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận có giá trị như quyết định nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản ngoài ra có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150

Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa Đại hội và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5) Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 11 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị; Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người. Số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Các thành viên của HĐQT do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên HĐQT.

5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

6. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

8. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

***/ Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.


2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động cho chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch phát triển trung hạn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty; 

e) Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền

f) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý điều hành đó;

g) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Luật doanh nghiệp năm 2020;

h) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa công ty và những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167, Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty và chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn mười năm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp năm 2020;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

ô) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

ơ) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

p) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

q) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định

r) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: *ch*

a) Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);

b) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty.

c) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

đ) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại những doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

e) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

h) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

i) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

***/ Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

8. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT, mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.

9. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

10. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

11. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm,

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT: *day*

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu ra Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý điều hành khác;
- b) Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- đ) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 2 và 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty. *dy*

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định mục a khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Công khai lợi ích:

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số:

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt:

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên trực tuyến và những hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.


Các quyết định được thông qua trong cuộc họp được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

14. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. 

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

16. Những người được mời họp dự thính:

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.


Mục 3:

**GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Giám đốc điều hành, một số Phó Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 29. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác cần thiết với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với người điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc điều hành.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 30. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Tiêu chuẩn.

Giám đốc điều hành phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật doanh nghiệp năm 2020 và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các người điều hành khác (nếu có) và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

e) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

f) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc điều hành phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc điều hành mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc điều hành có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc điều hành và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- k. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

Mục 4: **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 32. Thành phần Ban kiểm soát; Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát; Trưởng ban kiểm soát.

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý, điều hành Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Kiểm soát viên phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó và phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú tại Việt Nam.

4. Ban kiểm soát phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp BKS;
- b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;
- c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ;

5. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát:

Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về

tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản điều hành lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên
- b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d) Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng 06 tháng liên tục và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; trừ trường hợp bất khả kháng
- e) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của ĐHĐCĐ; do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này
- f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
- h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

8. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

9. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

10. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; Cuộc họp của Ban kiểm soát; Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát.

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

g) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

h) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát

a) Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c của khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Mục 5: BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 24.5 và Điều 32.5 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Mục 6:

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương pháp mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp năm 2020 và các quy định pháp luật khác. Thành viên Hội đồng quản trị,

Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan, hoặc

b) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IV QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại điều 24.5 và 32.5 Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên

bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ, tài liệu này.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí (trường hợp Công ty chưa có website). Nếu Công ty có một website, Điều lệ Công ty phải được công bố trên website đó.

5. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 39. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

CHƯƠNG VI

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định, phần còn lại được sử dụng như sau:

- a) Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- b) Chia cổ tức;
- c) Trích lập quỹ dự phòng tài chính;
- d) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do HĐQT quyết định theo đề nghị của HĐQT.

• **Điều 41. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty sẽ không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

• **Điều 42. Tài khoản ngân hàng.**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

• **Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên

bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và Chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam(hoặc ngoại tệ đo chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG VIII BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán(đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng đã soát xét và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán(đối với công ty niêm yết) và Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có Website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên Website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên;

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 47: Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG IX
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (2) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**CHƯƠNG X
CON DẤU**

Điều 49. Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc hoặc dưới hình thức chữ ký số theo quy định của luật pháp về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có)

2. HĐQT, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG XI
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

Điều 50. Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc

xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền(nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 51. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy(07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý; thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng

quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 55. Hiệu lực thi hành.

1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI nhất trí thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2021 tại Hội trường Công ty tổ 12 thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- 04 bản lưu trữ tại Văn thư Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

THÀNH VIÊN HĐQT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


1. Phạm Đức Khiêm


Đỗ Huy Hùng


2. Ngô Minh Vinh

MỤC LỤC

Chương	Nội dung		Trang
	Phần mở đầu		2
Chương I	Những quy định chung		2
	Điều 1	Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ	2
	Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty và Người đại theo pháp luật của Công ty	3
	Điều 3	Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
	Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
Chương II	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập		5
	Điều 5	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
	Điều 6	Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	6
	Điều 7	Chứng chỉ Chứng khoán khác	7
	Điều 8	Chuyển nhượng cổ phần	7
	Điều 9	Thu hồi cổ phần	7
Chương III	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát		8
	Điều 10	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty	8
	Điều 11	Quyền của Cổ đông	8
	Điều 12	Nghĩa vụ Cổ đông	10
	Điều 13	Đại hội đồng Cổ đông	11
	Điều 14	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
	Điều 15	Các đại diện được ủy quyền	13
	Điều 16	Thay đổi các quyền	15
	Điều 17	Triệu tập đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
	Điều 18	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
	Điều 19	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	18
	Điều 20	Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20

	Điều 21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
	Điều 22	Nghị quyết; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
	Điều 23	Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
	Điều 24	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị; Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
	Điều 25	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	25
	Điều 26	Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
	Điều 27	Các cuộc họp Hội đồng quản trị; Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	28
	Điều 28	Tổ chức bộ máy quản lý	32
	Điều 29	Người điều hành Công ty	32
	Điều 30	Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành	33
	Điều 31	Người phụ trách quản trị Công ty	35
	Điều 32	Thành phần Ban kiểm soát; Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát; Trưởng ban kiểm soát	36
	Điều 33	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; Cuộc họp của Ban kiểm soát; Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát	38
	Điều 34	Bầu Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát	40
	Điều 35	Trách nhiệm cân trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều	40

		hành và người điều hành	
	Điều 36	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
	Điều 37	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
Chương IV	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty		41
	Điều 38	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	42
Chương V	Người Lao động, Công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty		42
	Điều 39	Người Lao động, Công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội	43
Chương VI	Phân chia lợi nhuận		43
	Điều 40	Phân phối lợi nhuận	43
	Điều 41	Cổ tức	44
Chương VII	Chế độ Tài chính kế toán		44
	Điều 42	Tài khoản ngân hàng	44
	Điều 43	Năm tài chính	44
	Điều 44	Chế độ kế toán	45
Chương VIII	Báo cáo Thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng		44
	Điều 45	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	45
	Điều 46	Báo cáo thường niên	45
	Điều 47	Công khai thông tin	46
Chương IX	Kiểm toán Công ty		46
	Điều 48	Kiểm toán	46
Chương X	Con dấu		45
	Điều 49	Con dấu	46
Chương XI	Chấm dứt hoạt động và thanh lý		46
	Điều 50	Chấm dứt hoạt động	46
	Điều 51	Gia hạn hoạt động	47
	Điều 52	Thanh lý	47
Chương XII	Giải quyết tranh chấp nội bộ		47

	Điều 53	Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
Chương XIII	Điều khoản thi hành		48
	Điều 54	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
	Điều 55	Hiệu lực thi hành	48

Số: 0 0 7 9/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB - VVMI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc: Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
- Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020.
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi được biểu quyết thông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 16/4/2021;
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty- Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị – VVMI.

Điều 2: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung kèm theo quyết định này;

Điều 3. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Bộ máy điều hành và các cổ đông Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch)



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 0079/QĐ-HĐQT ngày 16/04/2021
của Hội đồng quản trị công ty)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.


Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 116) ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
4. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
5. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
6. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty;
7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành;
8. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và các người điều hành khác;
9. Lựa chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.
10. Quy định báo cáo và công bố thông tin.

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau : 

a. **“Luật doanh nghiệp”**: là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020

b. **“Quản trị công ty”**: Là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; Hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty; Đối xử công bằng giữa các cổ đông; công; Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

c. **“Công ty”**: là Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

d. **“Điều lệ”**: Là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.

e. **“Cổ đông”**: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

f. **“Người có liên quan”**: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau :

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Công ty mẹ, công ty con;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

g. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”**: Là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3, Điều 26 điều lệ mẫu Thông tư 116: không phải là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. **“Người điều hành doanh nghiệp”**: là Giám đốc (hoặc Giám đốc điều hành), Phó Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc điều hành), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

i. **“Người phụ trách quản trị Công ty”**: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại điều 281 nghị định số 155/NĐ-CP năm 2020; Điều 31 Điều lệ Công ty.

k. **“Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”**: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại điểm e và f khoản 2 Điều 11 của Điều lệ sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty (thông qua Người phụ trách quản trị Công ty).

b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến e khoản 3 Điều 11 của Điều lệ theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ

đồng trong nhóm cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 6. Cổ đông hện làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:

a. Website chính thức của Công ty: <http://www.vttbviethac-vvmi.com.vn>.

b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

c. Thông cáo báo chí của Công ty;

d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

đ. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8. Thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ; Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

d. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.

đ. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất hai mươi (21) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 9. Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận Văn thư của Công ty tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng Quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

2. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng.

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng Quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại

khoản 3 Điều 11 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 11. Điều kiện tiến hành; Hình thức thông qua Nghị quyết;

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: Đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

3. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp;

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một chỗ ngồi, một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Theo quyết định của ít nhất 65% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy

cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Người có liên quan được xác định theo quy định của khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng

tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty tối thiểu mười lăm (15) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn hai bốn (24) giờ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 2: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐHQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 điều lệ Công ty phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 3 của quy chế này.

b. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

c. Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

d. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ

đồng là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác

g. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ

h. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

i. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản theo khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Mục 3: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết bằng hình thức trực tuyến.

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp được thực hiện tương tự như hình thức họp trực tiếp.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty;

Mục 2: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 17. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người. Số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

- Nhiệm kỳ của HĐQT là năm(05) năm; Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 luật doanh nghiệp.

b. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị.

c. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Từ 20% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
- Từ 50% đến dưới 65% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
- Từ 65% trở lên thì được đề cử đủ số ứng cử viên.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b khoản 1 Điều 17 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

5. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản tính trung thực chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

- Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

- Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội và đăng trên website Tổng công ty.

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

9. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 19. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm,

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 24 của Điều lệ Công ty.

- a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 3: Thù lao và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị.

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT, mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

CHƯƠNG V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ;

Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 27 của Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người quản trị Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội

đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 23. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm ba(03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.

2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 24. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 25. Điều kiện tổ chức họp HĐQT, cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Số thành viên tham dự tối thiểu theo khoản 8 Điều 27 Điều lệ Công ty và có đầy đủ tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Thành viên.

2. Cách thức biểu quyết, thông qua nghị quyết HĐQT theo khoản 9, 11, 12 Điều 27 Điều lệ Công ty

Điều 26. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;

- Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các Thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 27. Thông báo về nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm thông báo nghị quyết HĐQT trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Mục 1: Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ Công ty;

Mục 2: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Điều 28. Kiểm soát viên và thành phần Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp năm 2020 cụ thể:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Việc đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo khoản 5 Điều 32 của Điều lệ Công ty:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% trở lên có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này có quyền ứng cử Kiểm soát viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

6. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát theo khoản 5 Điều 32 Điều lệ Công ty.

7. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.


Điều 29. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Ban kiểm soát, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau: 

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Những người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Điều 30. Bầu Trưởng ban kiểm soát

1. Sau khi có kết quả bầu cử Kiểm soát viên của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát phải lựa chọn trong số các Kiểm soát viên của mình để bầu ra một (01) Trưởng ban.

2. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Hội đồng Quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp theo quy định tại khoản 7,8 Điều 32 của Điều lệ Công ty.

- a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên
- b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng 06 tháng liên tục và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; trừ trường hợp bất khả kháng.

e) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của ĐHCĐ; do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; *day*

f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Mục 3: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Mục 1: Quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ Công ty;

Mục 2: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành Công ty.

Điều 33. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, điều kiện của Người điều hành.

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp số 59/2020 ngày 17/6/2020. Nhiệm kỳ của *chủ*

Giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (03) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty.

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Người điều hành khác (Trưởng, phó phòng ban; Giám đốc Nhà máy chế biến, Đội trưởng sản xuất và tương đương)

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc.

Điều 34. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm người điều hành

1. Bổ nhiệm Giám đốc:

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Các Thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Giám đốc.

Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

a. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

b. Bản kê khai tài sản, thu nhập;

- c. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- d. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các Thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Giám đốc.

Điều 35. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm người điều hành Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với người điều hành khác nêu tại Điều 33 quy chế này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

3. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành

1. Người điều hành Công ty xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị/Giám đốc có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

3. HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc điều hành khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty theo đúng các quy định của pháp luật lao động.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 3: Tiền lương và lợi ích của Người điều hành

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với người điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc điều hành.

3. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 38. Nguyên tắc phối hợp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo công khai, minh bạch, luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

- Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty thông báo mời họp và chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được ghi chép các ý kiến tham gia phát biểu của trong cuộc họp và được các Thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí thông qua.

- Nghị quyết HĐQT được trích từ Biên bản họp HĐQT và thông báo cho Ban kiểm soát, Giám đốc bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 40. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của Ban điều hành, Người đại diện của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty

- Khi Giám đốc có căn cứ cho thấy việc thực hiện nghị quyết HĐQT khó có thể thực hiện được.

- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành

Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở ban hành các nghị quyết, quyết định để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.

Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty và việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị tiếp tục ban hành các nghị quyết để Giám đốc triển khai thực hiện.

Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử Thành viên HĐQT tham dự.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

Chủ tịch HĐQT mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.

Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

Ban kiểm soát đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Tổng công ty có thể bằng văn bản/thư điện tử/fax/điện thoại.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Tổng công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến Thành viên Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp cần thiết Ban kiểm soát phối hợp với Ban điều hành kiểm tra giám sát các đơn vị trực thuộc và Người đại diện Tổng công ty tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác.

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá người điều hành trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 45. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 43.

2. Chế độ khen thưởng

- a. Bằng tiền.
- b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 46. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 47. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thực hiện theo nội dung khoản 17 Điều 27 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 48. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty

Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng công ty như khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp; sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng;
- d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 49: Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy

định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 52: Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu(06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 53: Tổ chức công bố thông tin


1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và thông tư 155/2015/BTC của Bộ Tài chính

b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin

2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm

3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:

a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học; 

- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
- d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG XIII

CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 54. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Xử lý vi phạm

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 30 trang, 56 điều đã được biểu quyết thông qua nội dung sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ngày 16 tháng 04 năm 2021. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, công ty có thể trình Hội đồng Quản trị hợp xem xét, quyết định và được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH




Đỗ Huy Hùng